TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày: 31/5/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà **Hồ Thị Hoa**

+ Ông **Nguyễn Văn Cho**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Vũ Linh** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đông Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với:

* **Bị cáo**:

1. **Trần Văn P (B),** sinh ngày 10/10/2001, tại huyện A, tỉnh K.

- Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

- Nghề nghiệp: Làm thuê.

- Trình độ văn hoá: 4/12.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Trần Văn T, sinh năm 1975 và bà Trương Thị L, sinh năm 1980.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: - Ngày 19/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện A áp dụng biện pháp xử lý Đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TA.

- Ngày 26/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 01/2019/HSST.

- Ngày 04/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện A 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 28/2019/HSST.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/12/2021 đến nay

(Bị cáo có mặt).

2. **Danh B**, sinh ngày 14/11/2003, tại huyện A, tỉnh K.

- Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- Trình độ văn hoá: 01/12.

- Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Danh Đ, sinh năm 1982 và bà Trần Thị K, sinh năm 1984.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 28/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 45/2021/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/02/2022 đến nay (Bị cáo có mặt).

* ***Đại diện theo pháp luật cho bị cáo:*** Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Tây A, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* ***Người bào chữa cho bị cáo***: Ông **Trần K**– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K (Có mặt).

*** <u>Bị hại:</u>**

1. Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

2. Bà **Phan Thị Y**, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

*** <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>**: **Lê Nhựt D**, sinh ngày 10/4/2006 (Có mặt).

* ***Đại diện theo pháp luật của Lê Nhựt D:*** Bà **Lê Hồng D2**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 11A, xã Đ2, huyện A, tỉnh K.

* ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của D***: Luật sư **Huỳnh Phương C** – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 14/01/2021 bị cáo Trần Văn P (tên thường gọi B) đang ở nhà của bị cáo Danh B thuộc ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Lúc này bị cáo B rủ bị cáo P đi lấy trộm tài sản để bán lấy tiền mua đồ ăn sáng, thì bị cáo P đồng ý. Bị cáo B điều khiển xe mô tô của bị cáo biển số kiểm soát 68H1-1993 chở bị cáo P ngồi phía sau chạy từ nhà ra hướng lộ X để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Phạm Thị L gần dốc cầu B thuộc ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K nhìn thấy nhà bà L đang xây dựng chưa có cửa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo B dừng xe lại, ngồi trên xe đợi và cảnh giới. Bị cáo P lén vào nhà bà L lấy trộm 02 điện thoại di động cảm ứng, 01 chiếc hiệu OPPO màu đen và 01 chiếc hiệu MOBELL màu xám. Sau khi lấy trộm tài sản bị cáo P và bị cáo B điều khiển xe về nhà ngủ. Đến sáng hôm sau bị cáo B điều khiển xe chở bị cáo P đến chợ T, huyện A, tỉnh K bán 01 điện thoại di động hiệu OPPO trộm được với số tiền 900.000 đồng. Bị cáo P và bị cáo B chia nhau tiêu xài. Còn 01 điện thoại hiệu MOBELL, khoảng vài ngày sau bị cáo P đưa cho bị cáo B đem bán với giá 200.000 đồng. Bị cáo B chia cho bị cáo P 100.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng tháng 11 năm 2021 bị cáo Trần Văn P cùng với Lê Nhựt D, sinh năm 2006 đi đến khu vực chợ cá thuộc khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K cạy ổ khóa thùng nhựa dùng để đông lạnh thịt heo lấy trộm 07 kg thịt đùi và 07 kg lòng heo. Bị cáo B còn khai nhận

trước khi thực hiện hành vi trộm cắp với bị cáo P còn cùng Đ, Ph đột nhập vào trại tôm giống G thuộc ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO bán với giá 250.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đen, màn hình cảm ứng có giá 1.766.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu MOBELL màu xám trắng, màn hình cảm ứng có giá 583.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 07 kg thịt heo loại thịt đùi có giá 560.000 đồng; 07 kg lòng heo có giá 840.000 đồng.

Các bị hại Phạm Thị L, Phan Thị Y không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 15/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện AnMinh, tỉnh K truy tố bị cáo **Trần Văn P và Danh B** về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Văn P, Danh B đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản".* Đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 09 - 12 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Danh B từ 06 - 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh B tại phiên tòa tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Thị L số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị hại L vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra bị hại L không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên số tiền còn lại bồi thường đối với tài sản bị mất không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị hại Phan Thị Y không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện không thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

* Bị cáo Trần Văn P, Danh B đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Danh B: Thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố. Tuy nhiên về mức hình phạt cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo không có tiền án, tiền sự; cha bị cáo mất khi bị cáo còn nhỏ nên bị cáo thiếu mất sự chăm sóc, giáo dục của người cha; bị cáo có trình độ học vấn thấp; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới 06 tháng tù nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Nhựt D: Xác định có tham gia lấy trộm 14 kg thịt heo (gồm 07kg thịt đùi và 07 kg lòng heo) cùng với bị cáo P. D thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Đại diện theo pháp luật của Lê Nhựt D là bà Nguyễn Hồng D2: Không có ý kiến gì về lời trình bày của D. Bà thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Nhựt D: Thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với bị hại Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và bị hại Phan Thị Y có đơn xin vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của các bị hại nên sự vắng mặt của các bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của các bị hại vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Bị cáo P và bị cáo B thừa nhận hành vi phạm tội vào khoảng 01 giờ sáng ngày 14/01/2021 bị cáo B điều khiển xe mô tô chở bị cáo P để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà Phạm Thị L thuộc ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Bị cáo B ngồi trên xe đợi và cảnh giới. Bị cáo P lén vào nhà lấy trộm được 02 điện thoại di động cảm ứng, 01 chiếu hiệu OPPO màu đen và 01 chiếc hiệu MOBELL màu xám. Giá trị tài sản mà các bị cáo lấy trộm theo kết luận định giá là 2.349.000 đồng. Ngoài ra bị cáo P còn thừa nhận cùng với Lê Nhựt D đi đến khu vực chợ cá thuộc khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K cạy ổ khóa thùng nhựa lấy trộm 07 kg thịt đùi và 07 kg lòng heo. Giá trị số tài sản mà bị cáo P và D lấy trộm theo kết luật định giá là 1.400.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tang vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo B là người rủ rê và đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Trần Văn P lợi dụng sở hở của chủ tài sản, trong lúc tài sản

không có người trong giữ để thực hiện trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Theo Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu đen, màn hình cảm ứng có giá 1.766.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu MOBELL màu xám trắng, màn hình cảm ứng có giá 583.000 đồng và theo Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 11/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 07 kg thịt heo loại thịt đùi có giá 560.000 đồng; 07 kg lòng heo có giá 840.000 đồng. Nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K truy tố các bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, có tiền mua ma túy sử dụng và bản chất xem thường pháp luật các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, gây hoang mang, lo ngại trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy vụ án này chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo phải phù hợp, tương xứng với mức độ, tính chất, vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo:

+ ***Đối với bị cáo Trần Văn P:*** Tuy bị cáo không phải là người trực tiếp rủ rê thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi bị cáo B khởi xướng thì bị cáo không từ chối và tham gia tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là trực tiếp vào lấy trộm tài sản nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích.

+ ***Đối với bị cáo Danh B:*** Bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo là người rủ rê và tham gia tích cực trong việc thực hiện

hành vi. Bị cáo thực hiện nhiệm vụ cảnh giới và chở bị cáo P tẩu thoát nếu hành vi bị phát hiện. Xét về tính chất phạm tội của bị cáo trong vụ án này cũng nguy hiểm. Tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên quyết định hình phạt phải đảm B nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng nhẹ hơn bị cáo P.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo B tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại Phạm Thị L số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo P đã bị kết án 01 năm cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 01/2019/HSST ngày 26/02/2019 và bị kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 28/2019/HSST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K nên buộc chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 08 tháng 17 ngày tù. Tuy nhiên bị cáo P bị kết án khi bị cáo trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi và tội bị kết án là tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy lần phạm tội này của bị cáo được xác định không phải là tái phạm.

Bị cáo B bị kết án 15 tháng cải tạo không giam giữ tại Bản án số 45/2021/HSST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K. Tuy nhiên bị cáo B bị kết án khi bị cáo trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi và tội bị kết án là tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy lần phạm tội này của bị cáo B được xác định không phải là tái phạm.

Mặc dù các bị cáo được xác định là không có án tích và tội bị kết án là tội ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo kéo dài, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội nên các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, song xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, bản thân lại nghiện ma túy khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh B tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Thị L số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị hại L vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra bị hại L không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên số tiền còn lại bồi thường đối với tài sản bị mất trộm Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin vắng mặt bị hại Phan Thị Y không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện không thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo B về các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên, tình tiết giảm nhẹ Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng cho bị cáo B phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và cha bị cáo mất khi bị cáo còn nhỏ nên bị cáo thiếu mất sự chăm sóc, giáo dục của người cha; bị cáo có trình độ học vấn thấp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không phù hợp. Bởi lẽ tài sản bị cáo B xâm hại đã đủ định lượng truy tố, đồng thời thiệt hại nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo, bị cáo hoàn toàn không có hành vi ngăn chặn cho thiệt hại không xảy ra hay xảy ra không lớn. Đối với ý kiến cha bị cáo B mất sớm nên bị cáo thiếu mất sự chăm sóc, giáo dục của người cha và trình độ học vấn thấp, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cha bị cáo mất khi bị cáo còn nhỏ nhưng bị cáo vẫn được mẹ và bà ngoại chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời bị cáo đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã được tuyên truyền, giáo dục nhưng bản thân không sửa chữa vẫn sai phạm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Mặc dù bị cáo B được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 vì bản thân bị cáo nghiện ma túy, trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo lại có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thị trấn T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cho bị cáo cai nghiện, sớm hòa nhập cộng đồng. Do đó mức án mà Trợ giúp viên pháp lý đề nghị đối với bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với Lê Nhựt D quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thừa nhận cùng bị cáo P lấy trộm 07 kg thịt đùi, 07 kg lòng heo của chị Phan Thị Y nhưng chưa đủ định lượng để xử lý hình sự nên Cơ quan Điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Nhựt D

Đối với hành vi của bị cáo Danh B cùng với Đ và Ph đột nhập vào trại tôm giống G lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO bán với giá 250.000 đồng chia nhau tiêu xài chưa xác định được bị hại, Cơ quan Điều tra đã ra thông báo tìm bị hại, khi nào xác định được bị hại nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 68H1-1993 mà bị cáo P và bị cáo B dùng làm P tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã bán cho một người không rõ lai lịch thông qua mạng xã hội với giá 2.000.000 đồng nên Cơ quan Điều tra không thu giữ được.

Tại Bản án số 45/2021/HSST ngày 28/9/2021 Tòa án nhân dân huyện A xử phạt bị cáo B 07 tháng cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên trong quá trình chấp hành vào ngày 11/5/2022 và ngày 25/5/2022 bị cáo B đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an thị trấn T huyện A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 13/5/2022 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 25/5/2022. Hành vi của bị cáo B đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên ngày 30/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A có Công văn số 160/ĐN-ĐT đề nghị Tòa án nhân dân huyện A thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt bị cáo tạm giam để bị cáo không tiếp tục phạm tội và không bỏ trốn trong thời gian chờ xét xử. Do đó căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử Quyết định bắt giam bị cáo tại phiên tòa để bị cáo không tiếp tục phạm tội và đảm B thi hành án.

[11] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P (B), Danh B đã phạm tội: *"Trộm cắp tài sản".*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 24/12/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 329 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo

B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 31/5/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh B tự nguyện bồi thường cho bị hại Phạm Thị L số tiền 1.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị hại L vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra bị hại L không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên số tiền còn lại bồi thường đối với tài sản bị mất trộm Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin vắng mặt bị hại Phan Thị Y không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo B; Đại diện theo pháp luật của bị cáo B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Nhựt D; Đại diện theo pháp luật của D và Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 31/5/2022)*. Riêng đối với bị hại Phạm Thị L và bị hại Phan Thị Y vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử Phc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU